

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 874../BSM-KT&QLCT

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2024

V/v tham gia góp ý việc cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Bến Quân, xã Hà Long, huyện Hà Trung.

Kính gửi: Lữ đoàn 299 – Quân đoàn 12

Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh: số 5282/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước lớn và vừa đã bàn giao cho các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Hiện nay Công ty đang thực hiện Khôi phục hồ sơ hồ chứa nước Bến Quân, hạng mục Lập phương án cắm mốc bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Tổng số lượng mốc chỉ giới dự kiến ban đầu là 39 mốc.

Căn cứ văn bản số 1444/TM-SĐ ngày 26/8/2024 của Sư đoàn trưởng Sư đoàn 390 về việc tham gia góp ý việc cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Bến Quân, cho biết: “Các mốc giới có số từ CTTL.22 đến CTTL.25 thuộc phân quản lý ĐQP của Lữ đoàn công binh 299” (Sư đoàn 390 thực hiện bàn giao lại cho Lữ đoàn công binh 299 từ năm 2017). UBND xã Hà Long đã tham gia ý kiến liên quan đến điều chỉnh, bổ sung một số mốc để phù hợp với hiện trạng sử dụng và quản lý đất của xã. Vì vậy, chúng tôi điều chỉnh số lượng mốc từ 39 mốc lên thành 43 mốc.

(Có phụ lục toạ độ các mốc bảo vệ công trình dự kiến liên quan kèm theo)

Để đảm bảo hài hòa giữa công tác an toàn hồ đập, quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Công ty và nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Lữ đoàn 299, đồng thời làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã tham vấn ý kiến Lữ đoàn 299 về mức độ ảnh hưởng của việc lắp dựng, cắm mốc tạm, tiến tới cắm mốc chính thức trong

phương án cấm mốc bảo vệ công trình hồ chứa nước Bến Quân đến các hoạt động của đơn vị.

Đề nghị Lữ đoàn 299 có ý kiến bằng văn bản gửi về Công ty theo địa chỉ: Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã, thôn Tự Nhiên, xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; số điện thoại đồng chí phụ trách Nguyễn Hữu Hoàn – Phó trưởng phòng KT&QLCT. SĐT: 0913.808.167

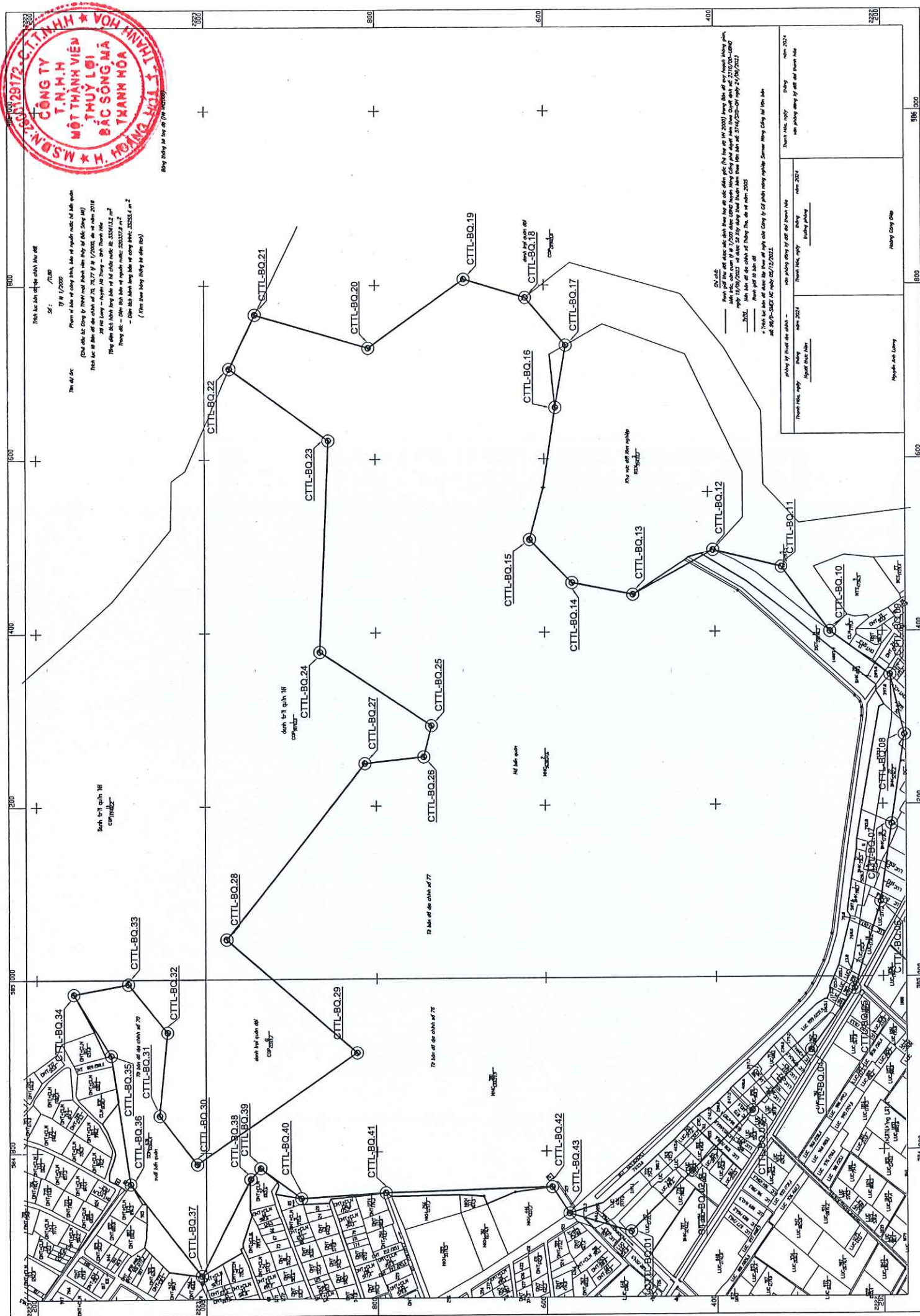
Kính đề nghị Lữ đoàn 299 quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc công ty (để b/c);
- Phó Giám đốc công ty;
- Lưu: VT, KT&QLCT. 



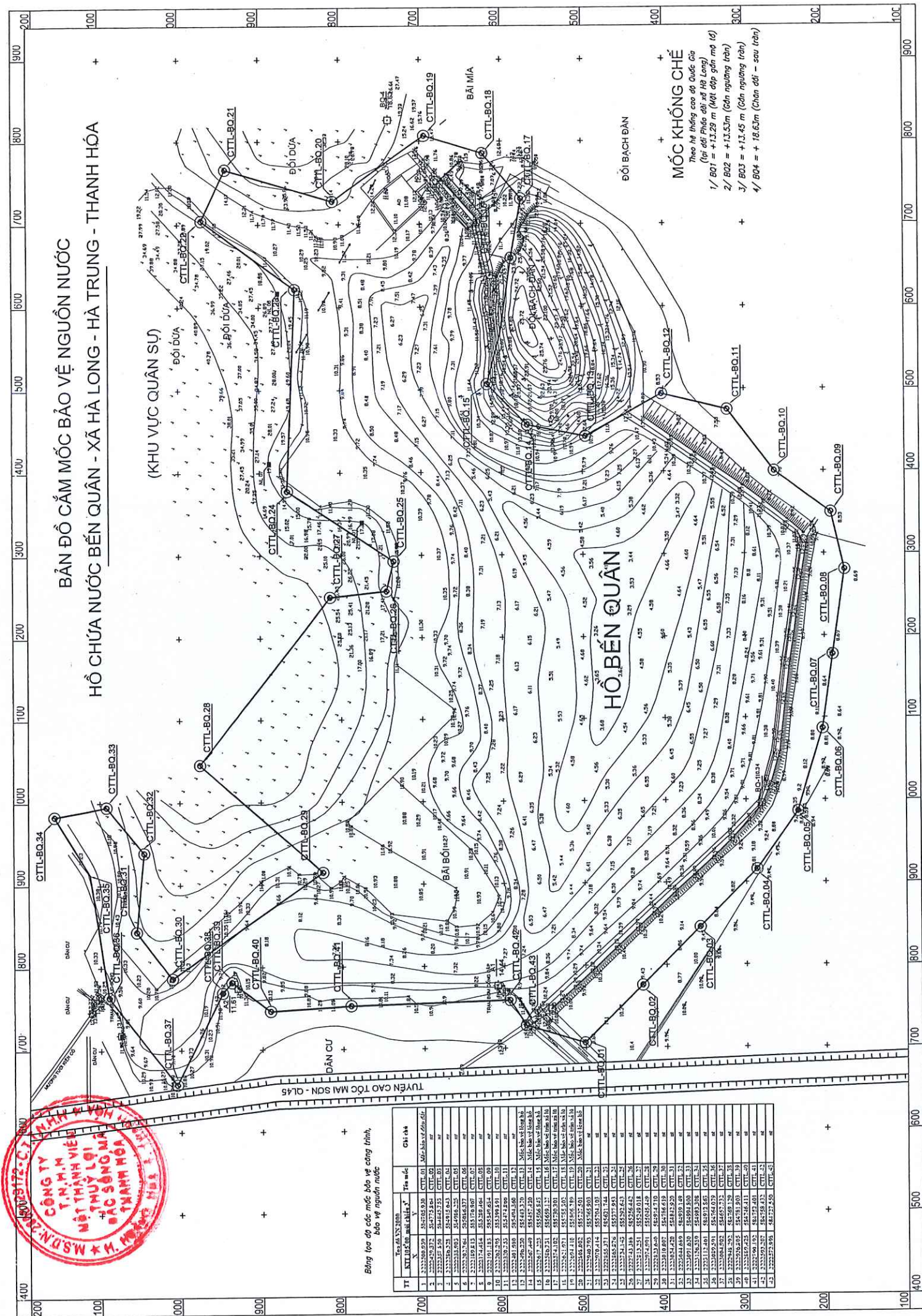
Nguyễn Ngọc Tuấn

[illegible]

BẢN ĐỒ CẢM MỐC BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

HỒ CHỨA NƯỚC BẾN QUẬN - XÃ HÀ LONG - HÀ TRUNG - THANH HÓA

(KHU VỰC QUÂN SỰ)



MỐC KHÔNG CHẾ

- Theo hệ thống cao độ Quốc gia
(tọa độ Pháo đài xã Hà Long)
- 1/ B01 = +13.29 m (Mặt đập gần má lẹ)
 - 2/ B02 = +13.53m (đỉnh ngưỡng tràn)
 - 3/ B03 = +13.45 m (đỉnh ngưỡng tràn)
 - 4/ B04 = +18.63m (Chân đất - sau tràn)



Bảng tọa độ các mốc bảo vệ công trình,
bảo vệ nguồn nước

TT	CTL-BQ.01	Tên mốc	Chiều dài
1	CTL-BQ.01	Mặt đập gần má lẹ	m
2	CTL-BQ.02	Mặt đập gần má lẹ	m
3	CTL-BQ.03	Mặt đập gần má lẹ	m
4	CTL-BQ.04	Mặt đập gần má lẹ	m
5	CTL-BQ.05	Mặt đập gần má lẹ	m
6	CTL-BQ.06	Mặt đập gần má lẹ	m
7	CTL-BQ.07	Mặt đập gần má lẹ	m
8	CTL-BQ.08	Mặt đập gần má lẹ	m
9	CTL-BQ.09	Mặt đập gần má lẹ	m
10	CTL-BQ.10	Mặt đập gần má lẹ	m
11	CTL-BQ.11	Mặt đập gần má lẹ	m
12	CTL-BQ.12	Mặt đập gần má lẹ	m
13	CTL-BQ.13	Mặt đập gần má lẹ	m
14	CTL-BQ.14	Mặt đập gần má lẹ	m
15	CTL-BQ.15	Mặt đập gần má lẹ	m
16	CTL-BQ.16	Mặt đập gần má lẹ	m
17	CTL-BQ.17	Mặt đập gần má lẹ	m
18	CTL-BQ.18	Mặt đập gần má lẹ	m
19	CTL-BQ.19	Mặt đập gần má lẹ	m
20	CTL-BQ.20	Mặt đập gần má lẹ	m
21	CTL-BQ.21	Mặt đập gần má lẹ	m
22	CTL-BQ.22	Mặt đập gần má lẹ	m
23	CTL-BQ.23	Mặt đập gần má lẹ	m
24	CTL-BQ.24	Mặt đập gần má lẹ	m
25	CTL-BQ.25	Mặt đập gần má lẹ	m
26	CTL-BQ.26	Mặt đập gần má lẹ	m
27	CTL-BQ.27	Mặt đập gần má lẹ	m
28	CTL-BQ.28	Mặt đập gần má lẹ	m
29	CTL-BQ.29	Mặt đập gần má lẹ	m
30	CTL-BQ.30	Mặt đập gần má lẹ	m
31	CTL-BQ.31	Mặt đập gần má lẹ	m
32	CTL-BQ.32	Mặt đập gần má lẹ	m
33	CTL-BQ.33	Mặt đập gần má lẹ	m
34	CTL-BQ.34	Mặt đập gần má lẹ	m
35	CTL-BQ.35	Mặt đập gần má lẹ	m
36	CTL-BQ.36	Mặt đập gần má lẹ	m
37	CTL-BQ.37	Mặt đập gần má lẹ	m
38	CTL-BQ.38	Mặt đập gần má lẹ	m
39	CTL-BQ.39	Mặt đập gần má lẹ	m
40	CTL-BQ.40	Mặt đập gần má lẹ	m
41	CTL-BQ.41	Mặt đập gần má lẹ	m
42	CTL-BQ.42	Mặt đập gần má lẹ	m
43	CTL-BQ.43	Mặt đập gần má lẹ	m
44	CTL-BQ.44	Mặt đập gần má lẹ	m
45	CTL-BQ.45	Mặt đập gần má lẹ	m



**SỐ LƯỢNG, TỌA ĐỘ THIẾT KẾ CÁC MỐC CHỈ GIỚI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC BÊN QUÂN**
(Kèm theo CV số 874 /BSM-KT&QLCT)

Tọa độ VN 2000 KT 105°00' múi chiều 3 ⁰			Tên mốc	Ghi chú
X	Y			
1	2222500.939	584705.930	CTTL.01	Mốc bảo vệ đập đất
2	2222429.372	584775.864	CTTL.02	nt
3	2222357.850	584845.753	CTTL.03	nt
4	2222286.328	584915.643	CTTL.04	nt
5	2222233.903	584986.225	CTTL.05	nt
6	2222202.764	585086.377	CTTL.06	nt
7	2222189.813	585176.967	CTTL.07	nt
8	2222174.484	585280.464	CTTL.08	nt
9	2222191.183	585349.684	CTTL.09	nt
10	2222262.295	585399.891	CTTL.10	nt
11	2222320.753	585474.866	CTTL.11	nt
12	2222401.980	585494.360	CTTL.12	nt
13	2222496.230	585443.370	CTTL.13	Mốc bảo vệ lòng hồ
14	2222567.449	585457.420	CTTL.14	Mốc bảo vệ lòng hồ
15	2222617.223	585506.843	CTTL.15	Mốc bảo vệ lòng hồ
16	2222586.731	585659.127	CTTL.16	Mốc bảo vệ tràn xả lũ
17	2222574.102	585730.301	CTTL.17	Mốc bảo vệ tràn xả lũ
18	2222621.971	585785.302	CTTL.18	Mốc bảo vệ tràn xả lũ
19	2222694.410	585806.789	CTTL.19	Mốc bảo vệ tràn xả lũ
20	2222808.002	585727.501	CTTL.20	Mốc bảo vệ lòng hồ
21	2222940.793	585765.903	CTTL.21	nt
22	2222970.414	585704.103	CTTL.22	nt
23	2222855.371	585621.744	CTTL.23	nt
24	2222865.876	585377.953	CTTL.24	nt
25	2222734.143	585292.643	CTTL.25	nt
26	2222743.388	585256.442	CTTL.26	nt
27	2222813.251	585249.018	CTTL.27	nt
28	2222974.991	585045.449	CTTL.28	nt
29	2222823.640	584914.710	CTTL.29	nt
30	2223010.007	584786.619	CTTL.30	nt
31	2223054.420	584842.920	CTTL.31	nt
32	2223044.689	584939.149	CTTL.32	nt
33	2223091.630	584994.800	CTTL.33	nt
34	2223156.589	584983.308	CTTL.34	nt
35	2223112.461	584912.863	CTTL.35	nt
36	2223089.591	584764.079	CTTL.36	nt
37	2223004.902	584657.732	CTTL.37	nt
38	2222948.292	584769.129	CTTL.38	nt
39	2222936.805	584781.903	CTTL.39	nt
40	2222889.425	584746.411	CTTL.40	nt
41	2222790.192	584752.401	CTTL.41	nt
42	2222593.207	584758.432	CTTL.42	nt
43	2222572.998	584727.550	CTTL.43	nt